

Số: 66/2020/QĐST-HNGĐ

N, ngày 02 tháng 7 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hán Thị T - sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 3, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hán Văn H - sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 3, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1 - Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Thu H1 - Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hán Thị T và anh Hán Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung : hai bên thống nhất giao cháu Hán Ngọc D, sinh ngày 02/5/2010 và cháu Hán Bảo L, sinh ngày 06/01/2013 cho anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/ 1 cháu/ 1 tháng x 2 cháu =

1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, kể từ tháng 7/2020 đến khi các cháu thành niên.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: chị T và anh H xác nhận không có.

* Về nợ chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Giao cho anh Hán Văn H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Ninh số tiền 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng; Giao cho chị Hán Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện P số tiền 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng.

* Về công sức: chị T và anh H đều xác định không có.

* Về án phí: Chị Hán Thị T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng là 300.000đ. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001554 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 02/7/2020 và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã G;
- Lưu: HS- VP(8).

THẨM PHÁN

Phạm Hồng Vân